

Số: 1900 /TB-TĐHHT

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 10 năm 2016

THÔNG BÁO

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ học viên Hệ vừa làm vừa học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Học kỳ II năm học 2015 - 2016

Thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng năm học 2015 - 2016, nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ học viên hệ vừa làm vừa học (Hệ VLVH) về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong học kỳ II năm học 2015 - 2016. Kết quả điều tra khảo sát cụ thể như sau:

1. Thông tin chung

- Tổng số học viên cho ý kiến phản hồi: 2174;
- Số giảng viên được đánh giá: 41.

2. Kết quả khảo sát

2.1. Kết quả đánh giá chung

Ý kiến phản hồi cụ thể của học viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên được thể hiện trong Bảng 1. Kết quả phản hồi cho thấy, nhìn chung học viên đều đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên ở mức “Tốt”.

Bảng 1. Tổng hợp kết quả phản hồi của học viên cho từng tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn đánh giá	Thái độ, tác phong sư phạm	Nội dung giảng dạy	Tổ chức hoạt động dạy - học	Kiểm tra, đánh giá
Mức độ đáp ứng	3.97	3.95	3.95	3.95

Với kết quả thu thập được từ phía người học về hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên cho thấy, nhìn chung học viên đều đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ mức trên “Khá” đến gần “Tốt”. Mức độ đánh giá của người học đối với các tiêu chuẩn không có sự chênh lệch nhiều (giá trị trung bình đều đạt ở mức Tốt).

2.2. Kết quả cụ thể cho từng hoạt động

+ Hoạt động 1: Thái độ, tác phong sư phạm (3 tiêu chí)

Hoạt động thái độ, tác phong sư phạm được đánh giá qua 3 tiêu chí gồm: thực hiện giờ lên lớp, số tiết lên lớp nghiêm túc; thái độ ứng xử của giảng viên đối với học viên; trang phục, tác phong của giảng viên khi lên lớp. Ý kiến phản hồi

chung của học viên về các tiêu chí đều được đánh giá gần tương đương nhau và đều ở mức Tốt.

Bảng 2. Tổng hợp kết quả phản hồi về hoạt động 1

Tiêu chí đánh giá	Thực hiện giờ lên lớp, số tiết lên lớp nghiêm túc	Thái độ ứng xử của giảng viên đối với học viên	Trang phục, tác phong của giảng viên khi lên lớp
Mức độ đáp ứng	3.97	3.96	3.97

+ Hoạt động 2: Nội dung giảng dạy (5 tiêu chí)

Nội dung giảng dạy là một phần quan trọng của môn học mà giảng viên cần chuyển tải đến cho HSSV. Với vai trò là người trung gian dẫn dắt HSSV ứng dụng kiến thức trong thực tế; đảm bảo tính khoa học, tính giáo dục, tính chính xác; cung cấp tài liệu tham khảo cho HSSV...

Ý kiến phản hồi của HSSV về nội dung giảng dạy của giảng viên đều được đánh giá ở mức trên “Khá” đến gần “Tốt”, không có tiêu chí nào bị đánh giá ở mức trung bình và dưới trung bình.

Bảng 3. Tổng hợp kết quả phản hồi về hoạt động 2

Tiêu chí đánh giá	Nêu rõ mục đích, yêu cầu của môn học và của từng chương, từng bài giảng	Thực hiện đủ nội dung, đúng kế hoạch theo đề cương môn học	Đảm bảo tính khoa học, tính giáo dục, tính chính xác của nội dung giảng dạy	Cập nhật thông tin mới, gắn với thực tiễn	Giới thiệu tài liệu tham khảo
Mức độ đáp ứng	3.96	3.97	3.96	3.94	3.94

+ Hoạt động 3: Tổ chức hoạt động dạy học (5 tiêu chí)

Hoạt động tổ chức dạy - học được đánh giá qua 5 tiêu chí gồm: Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm; trách nhiệm trong giảng dạy; hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho người học; sử dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả; sử dụng phương tiện và thiết bị dạy học. Đây là một hoạt động rất quan trọng mà người giảng viên thể hiện để giúp học viên có thể hiểu được những nội dung trọng tâm của bài học, môn học.

Ý kiến phản hồi của học viên về hoạt động này ở tất cả các tiêu chí đều được đánh giá ở mức trên “Khá” đến gần “Tốt”. Tuy nhiên có 2 tiêu chí: “Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho người học” và “Sử dụng phương tiện và thiết bị dạy học” nhận được ý kiến đánh giá thấp hơn so với 3 tiêu chí còn lại. Do đó các thầy (cô) cần lưu ý để khắc phục, cải tiến phương pháp dạy và

học, sử dụng phương tiện và thiết bị dạy học hiệu quả hơn nhằm phát huy được tính sáng tạo, tạo được hứng thú học tập cho người học.

Bảng 4. Tổng hợp kết quả phản hồi về hoạt động 3

Tiêu chí đánh giá	Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm	Trách nhiệm trong giảng dạy	Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho người học	Sử dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả	Sử dụng phương tiện và thiết bị dạy học
Mức độ đáp ứng	3.96	3.96	3.94	3.95	3.94

+ Hoạt động 4: Kiểm tra, đánh giá (3 tiêu chí)

Hoạt động kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá quá trình lĩnh hội kiến thức, kỹ năng của học viên khi kết thúc môn học và kết thúc quá trình đào tạo, đảm bảo mục tiêu từng giai đoạn của chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu của mục tiêu đào tạo. Kết quả phản hồi của học viên đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá như sau:

Bảng 5. Tổng hợp kết quả phản hồi về hoạt động 4

Tiêu chí đánh giá	Phù hợp với nội dung và đề cương môn học	Chấm bài và trả bài kịp thời, có nhận xét đánh giá hữu ích đối với người học	Công bằng, khách quan, chính xác
Mức độ đáp ứng	3.95	3.94	3.95

Kết quả chung cho thấy, hoạt động kiểm tra đánh giá đều được đánh giá ở mức trên “Khá” đến gần “Tốt”. Tất cả các tiêu chí của hoạt động này đều nhận được ý kiến đánh giá đồng đều từ phía người học.

3. Kết luận và một số vấn đề cần được xem xét, điều chỉnh

3.1. Kết luận

Kết quả phản hồi cho thấy, với các tiêu chí được xây dựng trong phiếu điều tra khảo sát đã phản ánh đầy đủ hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên của nhà trường. Thang đo được sử dụng hợp lý đã cho kết quả phản ánh sát thực tế quá trình giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Số liệu thu thập với 4 nội dung (hoạt động) cho thấy, đa số học viên đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên đều ở mức trên “Khá” đến gần “Tốt” (xem thêm phần phụ lục). Nhìn chung, hầu hết giảng viên đều nhận được sự đánh giá cao của học viên ở một số nội dung như:

- Tất cả giảng viên trong Nhà trường đã thực hiện tốt việc lên lớp đầy đủ và đúng giờ, đúng kế hoạch, thân thiện và có trách nhiệm với học viên;

- Hầu hết giảng viên đã thông báo đầy đủ về mục tiêu học tập ngay từ những buổi đầu lên lớp, thông báo cho sinh viên đầy đủ các tài liệu học tập và tài liệu tham khảo, hầu hết giảng viên đã truyền đạt đầy đủ nội dung chương trình môn học;

- Một vài giảng viên được đánh giá là có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, có năng lực tạo hứng thú cho học viên trong quá trình học tập, tạo điều kiện cho học viên chủ động tham gia vào quá trình học tập;

- Đa số giảng viên đã thông báo đầy đủ về hình thức, nội dung, thời điểm kiểm tra - đánh giá; nội dung kiểm tra phù hợp với trình độ của học viên, đảm bảo được sự công bằng, khách quan trong kiểm tra - đánh giá;

Đây là một trong những dấu hiệu đáng mừng về công tác đảm bảo chất lượng khi việc lấy ý kiến phản hồi của người học đối với công tác giảng dạy của giảng viên đã phần nào phát huy tác dụng, kích thích sự đổi mới, tính tích cực, sáng tạo trong công tác giảng dạy cũng như học viên đã có những nhìn nhận thân thiện hơn đối với thầy (cô) của mình.

3.2. Một số vấn đề cần được xem xét, điều chỉnh

Qua thực tế lấy ý kiến phản hồi từ người học và kết quả thu thập được sau khi xử lý dữ liệu đánh giá của người học, chúng tôi thu thập được một số ý kiến đề xuất đối với Giảng viên và Nhà trường như sau:

- Một số giảng viên còn thiếu nhiệt tình khi giảng dạy hoặc giảng dạy quá đơn điệu gây nhàm chán và không tạo được hứng thú học tập cho sinh viên;

- Một số giảng viên được đánh giá còn thiếu thân thiện và chưa tâm lý đối với học viên;

- Vẫn còn một số ý kiến cho rằng thầy (cô) giảng dạy thực hành cần có những kiến thức thực hành mới để truyền đạt cho học viên;

- Mong nhà trường tạo điều kiện, đẩy nhanh tiến độ học cho học viên.

Trên cơ sở kết quả điều tra khảo sát đã phần nào phản ánh khách quan hoạt động giảng dạy của giảng viên về những mặt tốt đã làm được và cả những mặt hạn chế còn tồn tại. Trường các khoa, bộ môn trực thuộc cần nghiên cứu kỹ ý kiến phản hồi với từng giảng viên; chỉ đạo giảng viên xem xét, rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm để nâng cao chất lượng giảng dạy trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các Phó HT (để biết và chỉ đạo);
- Phòng Đào tạo;
- Các Khoa/Bộ môn trực thuộc;
- Trung tâm GDTX;
- Lưu: VT,KTĐBCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Cao Thành Lê

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VIỆC LẤY KẾT QUẢ CHI TIẾT KIỂM TỬ HỌC VIÊN (HỆ VLVD) VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY
CỬA GIẢNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015 - 2016

STT	Tên giảng viên	Số phiếu đánh giá	KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH																Điểm TB					
			TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 7	TC 8	TC 9	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16						
1	Bùi Quỳnh Thơ	39	3.99	4	3.99	3.99	4	3.99	4	3.99	3.98	3.98	3.99	3.99	3.99	3.98	3.99	3.99	4	3.99	3.99	4		
2	Đặng Thị Kim Oanh	77	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
3	Đặng Thị Thanh Bình	60	3.99	4	3.99	3.99	4	3.99	4	3.98	3.97	3.97	3.99	3.99	3.98	3.98	3.99	3.99	4	3.99	3.99	4	3.99	
4	Hồ Thị Vinh	22	4	4	4	4	3.95	3.91	4	3.95	3.91	3.91	4	4	3.91	3.95	3.86	4	4	4	4	4	3.97	
5	Lê Đăng Giáp	29	3.96	3.95	3.95	3.93	3.94	3.93	3.94	3.93	3.92	3.91	3.92	3.94	3.9	3.91	3.89	3.93	3.91	3.93	3.93	4	3.99	
6	Mai Như Anh	52	3.99	4	3.99	3.99	3.99	3.99	3.98	3.99	3.98	3.98	3.99	3.99	3.98	3.98	3.98	3.99	4	3.99	3.99	4	3.99	
7	Nguyễn Châu Trinh	167	3.97	3.96	3.97	3.96	3.96	3.97	3.96	3.97	3.94	3.93	3.94	3.94	3.95	3.94	3.94	3.95	3.94	3.93	3.95	3.95	4	3.95
8	Nguyễn Hồng Trang	15	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
9	Nguyễn Thị Kim Dung	37	3.97	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.94	3.93	3.96	3.94	3.95	3.95	3.93	3.95	3.93	3.93	3.95	3.95	4	3.95
10	Nguyễn Thị Thương (87)	29	3.96	3.95	3.95	3.93	3.94	3.93	3.92	3.92	3.9	3.92	3.92	3.94	3.9	3.91	3.88	3.92	3.91	3.93	3.95	3.95	4	3.92
11	Phan Thị Ai	37	3.97	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.94	3.93	3.95	3.96	3.93	3.94	3.93	3.95	3.94	3.93	3.94	3.95	4	3.95
12	Trần Thị Khánh	75	3.97	3.95	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.93	3.93	3.95	3.96	3.93	3.94	3.93	3.94	3.93	3.93	3.94	3.95	4	3.95
13	Trần Thu Thủy	57	3.96	3.94	3.94	3.94	3.94	3.95	3.92	3.9	3.89	3.89	3.89	3.94	3.86	3.9	3.86	3.93	3.9	3.92	3.92	3.92	4	3.92
14	Trương Thị Phương Thảo	73	3.99	4	4	4	3.99	4	3.99	4	3.99	3.98	3.99	3.98	3.99	3.99	3.99	3.99	3.99	3.99	3.99	3.99	4	3.99
KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ																								
15	Nguyễn Đức Sử	56	4	4	3.96	3.95	3.96	3.96	3.96	3.96	3.98	3.93	3.95	3.96	3.93	3.91	3.95	3.96	3.91	3.91	3.91	3.91	4	3.95
16	Trần Thị Hương	27	4	4	3.96	3.89	3.96	3.89	3.96	3.93	3.85	3.89	3.96	3.96	3.93	3.89	3.96	3.89	3.96	3.96	3.96	3.89	3.96	3.94
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ																								
17	Đào Thị Thủy	55	4	3.98	4	3.96	3.95	3.98	3.98	3.98	3.98	3.96	3.98	3.96	3.95	3.95	3.96	3.96	3.98	3.98	3.98	4	4	3.97
18	Đường Thế Anh	59	3.97	3.97	3.95	3.98	3.98	3.98	3.97	3.97	3.97	3.93	3.97	3.95	3.98	3.97	3.97	3.97	3.97	3.97	3.97	4	4	3.97
19	Đường Thị Cẩm Hằng	23	4	4	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	4	3.96	3.96	3.96	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3.99

20	Nguyễn Hoài Sanh	56	3.91	3.89	3.89	3.89	3.93	3.88	3.88	3.77	3.84	3.91	3.84	3.89	3.84	3.88	3.93	3.89	3.88
21	Nguyễn Thị Hồng Ninh	25	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
22	Nguyễn Thị Thanh Nhân	102	3.94	3.93	3.93	3.92	3.93	3.91	3.9	3.89	3.91	3.92	3.91	3.91	3.89	3.9	3.91	3.91	3.91
23	Phạm Thị Thanh Huyền	23	3.96	3.95	3.95	3.95	3.95	3.94	3.92	3.91	3.93	3.95	3.92	3.93	3.91	3.94	3.93	3.94	3.94
24	Trần Nguyễn Hào	52	3.97	3.97	3.96	3.96	3.96	3.96	3.94	3.94	3.95	3.96	3.94	3.95	3.94	3.95	3.95	3.96	3.95
25	Trần Thị Tú Anh	29	3.93	3.93	3.97	3.86	3.97	3.93	3.93	3.93	3.97	3.97	3.93	3.93	3.93	3.9	3.93	3.97	3.94

KHOA NGOẠI NGỮ

26	Phan Thị Thu Hương	68	3.97	3.97	3.96	3.96	3.96	3.95	3.94	3.94	3.95	3.96	3.94	3.95	3.94	3.95	3.95	3.96	3.95
27	Trần Minh Đức	76	3.96	3.95	3.95	3.94	3.95	3.94	3.92	3.91	3.93	3.95	3.92	3.93	3.91	3.94	3.93	3.94	3.94

KHOA NÔNG NGHIỆP

28	Phan Văn Ý	29	3.95	3.94	3.94	3.93	3.94	3.93	3.91	3.89	3.91	3.93	3.9	3.91	3.88	3.92	3.91	3.92	3.92
----	------------	----	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	-----	------	------	------	------	------	------

KHOA SP TIÊU HỌC MÀM NON

29	Đặng Thị Hà	28	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
30	Đặng Thị Yên	42	3.98	3.98	3.98	3.98	3.98	3.98	3.95	4	4	4	3.95	4	3.98	4	4	4	3.99
31	Hoàng Thị Tố Nga	106	3.97	3.96	3.96	3.96	3.96	3.96	3.93	3.95	3.96	3.96	3.94	3.95	3.93	3.95	3.94	3.95	3.95
32	Lê Trí Dũng	61	3.97	3.96	3.96	3.96	3.96	3.95	3.94	3.94	3.95	3.96	3.94	3.95	3.93	3.95	3.95	3.96	3.95
33	Lưu Thị Thu Hằng	65	3.97	3.95	3.95	3.95	3.95	3.96	3.92	3.94	3.95	3.95	3.93	3.93	3.92	3.94	3.94	3.94	3.94
34	Nguyễn Khánh	22	3.91	3.86	3.91	4	4	3.95	4	4	3.95	4	3.91	3.95	3.95	3.86	3.91	3.95	3.95
35	Trần Thị Xoan	39	3.97	3.96	3.96	3.95	3.96	3.95	3.93	3.93	3.95	3.96	3.93	3.94	3.93	3.94	3.94	3.95	3.95

BỘ MÔN TÂM LÝ

36	Lê Thị Bích Ngọc	23	3.96	3.95	3.95	3.94	3.95	3.94	3.93	3.91	3.93	3.94	3.92	3.93	3.91	3.93	3.93	3.94	3.94
37	Nguyễn Thị Cẩm	39	3.97	3.96	3.96	3.96	3.96	3.95	3.94	3.93	3.95	3.96	3.93	3.94	3.93	3.95	3.94	3.95	3.95
38	Nguyễn Thị Thu Phương	116	3.97	3.96	3.97	3.96	3.97	3.96	3.93	3.96	3.96	3.94	3.95	3.94	3.95	3.95	3.93	3.95	3.95
39	Nguyễn Thị Tuyết	38	3.97	3.96	3.96	3.96	3.96	3.95	3.94	3.94	3.95	3.96	3.94	3.95	3.93	3.95	3.95	3.95	3.95
40	Nguyễn Văn Tĩnh	41	3.97	3.95	3.95	3.95	3.95	3.94	3.93	3.92	3.94	3.95	3.92	3.93	3.92	3.94	3.93	3.94	3.94

KHOA SP TỰ NHIÊN

41	Bùi Văn Hát	105	3.99	3.98	3.98	3.99	3.99	3.97	3.96	3.99	3.99	3.99	3.98	3.98	3.98	3.98	3.98	3.99	3.98
----	-------------	-----	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------